

Đơn vị: Trường THPT An Nghĩa
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

6 tháng (Từ T1->T6/2023) Năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15695	6316		42.5%
1	Nguồn ngân sách trong nước	15695	6316		42.5%
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

MISA Mimosa NET 2019

1

Đơn vị: Trường THPT An Nghĩa
Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15695	6316	100%	42.5%
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	488	0		
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15207	6316		42.5%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

MISA Mimoso NET 2019

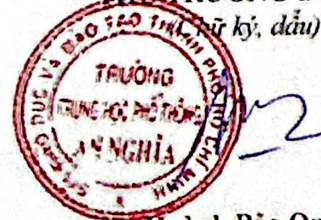
2

Đơn vị: Trường THPT Bình Khánh
Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chỉ quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 30 tháng 6 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Huỳnh Bảo Quốc

3

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT AN NGHĨA, MQHNS: 1104035

CÔNG KHAI THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TỪ T01 -> T6 NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	TÒN ĐẦU NĂM	THU	Lũy kế	CHI (Q1->Q2)	TÒN
1	Chi thường xuyên (1+2)	488.121.244	-	488.121.244	-	488.121.244
1	Nguồn 13	16.581.178		16.581.178		16.581.178
2	Nguồn 14	471.540.066		471.540.066		471.540.066
11	Chi không thường xuyên (A+B+C)	240.800.978	14.965.873.000	15.206.673.978	6.316.236.908	8.890.437.070
A	TX Giao tạm (Chi lương và các khoản hoạt động)		6.966.000.000	6.966.000.000	3.290.941.178	3.675.058.822
B	Nguồn 12; (1+2+3+4+5+6+7+8)		2.001.873.000	2.001.873.000	1.312.544.374	689.328.626
1	Phụ cấp TNNG		583.863.000	583.863.000	262.744.374	321.118.626
2	Kinh phí vùng sâu		504.000.000	504.000.000	250.600.000	253.400.000
3	Hỗ trợ NV y tế		5.400.000	5.400.000	2.700.000	2.700.000
4	Phụ cấp ưu đãi người khuyết tật		70.515.000	70.515.000	-	70.515.000
5	Kinh phí sinh hoạt hè		41.595.000	41.595.000	-	41.595.000
6	Kinh phí hỗ trợ NQ 17		796.500.000	796.500.000	796.500.000	-
7	Kinh phí miễn giảm học phí buổi hai			-		-
8	Kinh phí miễn giảm hỗ trợ học phí			-		-
C	Nguồn 14	240.800.978	5.998.000.000	6.238.800.978	1.712.751.356	4.526.049.622
	TNTT NQ 03/2018	240.800.978	5.998.000.000	6.238.800.978	1.712.751.356	4.526.049.622
	TỔNG CỘNG: 1+11	728.922.222	14.965.873.000	15.694.795.222	6.316.236.908	9.378.558.314

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thanh Huyền



Huỳnh Bảo Quốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT AN NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

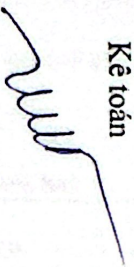
BẢNG CÔNG KHAI THU CHI CÁC QUÝ TIỀN GỬI KHO BẠC
TỪ T1/2023 ĐẾN T6/2023

STT	Nội dung sổ quỹ	Tồn năm 2022 mang sang	Thu	Chi	Tồn cuối kỳ T6/2023
1	HỌC PHÍ CÔNG LẬP 40%	529.483.939	417.100.000	27.416.374	919.167.565
	HỌC PHÍ CÔNG LẬP 60%	-	594.915.000	263.117.540	331.797.460
2	QUỸ PHÚC LỢI	371.062.915	-	105.355.000	265.707.915
3	QUỸ KHEN THƯỞNG	135.418.206	-	-	135.418.206
4	QUỸ SỰ NGHIỆP	320.838.775	-	21.217.670	299.621.105
5	QUỸ KHÁC (BHXH, NS HUYỆN HỒ TRỢ ...)	41.323.515	10.130.000	27.852.000	23.601.515
Tổng cộng		1.398.127.350	1.022.145.000	444.958.584	1.975.313.766

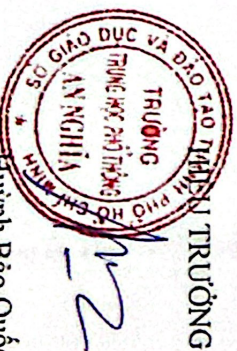
Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm mười ba ngàn bảy trăm sáu mươi sáu đồng chẵn.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023

Kê toán



Nguyễn Thị Thanh Quyền



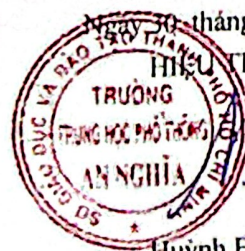
**CÔNG KHAI THU CHI TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP CỦA ĐƠN VỊ
TỪ T01/2023 ĐẾN T6/2023**

STT	Nội dung sổ quỹ	Tồn cuối NĂM 2022 nang sang	Thu	Chi	Tồn cuối tháng 6/2023
1	Học phí buổi hai	-	608.100.000	606.403.000	1.697.000
2	Thu dịch vụ (Căn tin , kiosk , giữ xe)	25.573.440	64.305.000	7.430.500	82.447.940
3	Thu hộ chi hộ :	166.247.310	579.012.000	617.302.000	127.957.310
	- Ăn phẩm (hồ sơ học sinh)	73.571.670	-	56.880.000	16.691.670
	-Nước uống học sinh	77.870.000	-	20.560.000	57.310.000
	-Quỹ ôn tập thi nghề	-	60.400.000	53.336.000	7.064.000
	- Ôn thi TN THPT	14.805.640	518.612.000	486.526.000	46.891.640
4	CB-GV-CNV đóng góp (quỹ khuyến học)	21.743.000	-	10.300.000	11.443.000
Tổng cộng		213.563.750	1.251.417.000	1.241.435.500	223.545.250

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng chẵn.

Kê toán

Nguyễn Thị Thanh Quyên



Ngày 30 tháng 06 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG

TRƯỜNG

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

AN NGHĨA

QUẬN 5

TP. HCM

DS

*

Huỳnh Bảo Quốc